

Bản án số: 236/2024/DS-PT

Ngày: 03/12/2024

V/v: “Tranh chấp chia tài sản
chung và tranh chấp về thừa kế
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;

Bà Triệu Thị Luyện.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/TLPT- DS ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

* **Người kháng cáo:** Bà Hoàng Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* **Nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:**

Bà kết hôn với ông Phạm Văn T2 năm 1978. Ông bà sinh được 04 người con: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978; chị Phạm Thị N, sinh năm 1981; anh Phạm Văn D, sinh năm 1982 và anh Phạm Văn Q, sinh năm 1989. Ngoài ra, ông T2 có một người con riêng là chị Phạm Thị T1, sinh năm 1977. Bố mẹ của ông T2 chết trước ông T2. Ngoài ra ông T2 không có con nuôi và bố mẹ nuôi theo quy định của pháp luật. Ông T2 chết ngày 09/10/2017. Khi chết, ông T2 không để lại di chúc gì. Bà và ông T2 có khối tài sản chung là:

+ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.229m² (trong đó có 360m² đất ở và 869m² đất vườn). Theo đo đạc năm 2022 là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.170,5m² (gồm đất ONT và đất CLN). Theo kết quả thẩm định thì diện tích của thửa đất là 1.170,4 m² tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: S 108616, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00296.QSĐĐ/56012000/QĐ-UB(H), ngày 23/10/2000.

+ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, diện tích 639.0 m² (gồm 300.0m² đất ở; 339.0m² đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BP 146705, số vào sổ cấp giấy: CH00134, ngày 04/7/2013. Trên đất có nhà 02 tầng, tường gạch, bán mái lợp proximang và công trình phụ trên đất. Nhà đất này do bà đang quản lý sử dụng.

Ông T2 chết không để lại nghĩa vụ gì về tài sản. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và chia thừa kế, cụ thể:

1. Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà yêu cầu được chia một nửa quyền sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7 (Nay là thửa số 147, tờ bản đồ số 2) và một nửa quyền sử dụng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2 và tài sản gắn liền với đất nhà 02 tầng, tường gạch, bán mái lợp proximang và công trình phụ trên đất. Ngoài ra bà không yêu cầu chia tài sản chung gì khác.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn T2 để lại tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang cho các đồng thừa kế theo pháp luật và chia bằng hiện vật, bà có nhu cầu về nhà ở, cụ thể:

- Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất có diện tích 585,2m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với 319,5m² (gồm 150m² đất ONT và 169,5m² đất CLN), thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2 và 50% giá trị các công trình trên đất mà Hội đồng định giá đã định giá.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu chia bất kỳ tài sản nào khác. Bà không có yêu cầu gì về công sức đóng góp. Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị phân chia thừa kế theo kết quả đo đạc thực tế. Các thửa đất không có tranh chấp gì về ranh giới, mốc giới. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì bà tự nguyện chịu cả, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với chi phí này. Vì bà là người cao tuổi nên đề nghị xem xét miễn án phí cho bà.

*** Bị đơn là anh Phạm Văn D trình bày:**

Anh D1 là con trai của bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn T2. Anh D1 thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống của ông Phạm Văn T2 (bố đẻ anh). Bố anh chết năm 2017. Khi chết bố anh không để lại di chúc gì. Khi chết bố anh có để lại tài sản gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.229 m² tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: S 108616, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00296.QSĐĐ/56012000/QĐ-UB(H), ngày 23/10/2000. Và quyền sử dụng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, diện tích 639.0 m² (gồm 300.0m² đất ở; 339.0m² đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BP 146705, số vào sổ cấp giấy: CH00134, ngày 04/7/2013. Trên đất có nhà 02 tầng, tường gạch, bán mái và công trình phụ trên đất. Nhà đất này do bà T đang quản lý sử dụng. Quyền sử dụng đất là của bố mẹ anh; còn ngôi nhà trên đất thì anh cũng có công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà này, ngôi nhà được xây dựng từ năm 2003. Nay bà Hoàng Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố anh để lại thì quan điểm của anh là đề nghị để gia đình tự thỏa thuận với nhau. Nếu không thỏa thuận được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không có yêu cầu gì về công sức đóng góp. Khi bố anh chết không để lại nghĩa vụ gì về tài sản.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T1 trình bày:

Chị là con gái của ông Phạm Văn T2 và bà Dương Thị B. Bố mẹ chị ly hôn từ

khoảng cuối năm 1977, chị ở với mẹ chị. Việc bố chị kết hôn với bà T từ khi nào thì chị không nắm được. Bố mẹ chị sinh được một mình chị. Bố chị với bà Hoàng Thị T sinh được 04 người con: Anh Phạm Thị H, chị Phạm Thị N, anh Phạm Văn D và anh Phạm Văn Q. Ông bà nội chị chết trước bố chị. Ngoài ra bố chị không có con nuôi và bố mẹ nuôi theo quy định của pháp luật. Bố chị chết ngày 06/10/2017. Khi chết bố chị không để lại di chúc gì. Khi chết bố chị có để lại tài sản gồm: Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.229m² tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, diện tích 639.0m², tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; trên thửa đất có nhà 02 tầng, tường gạch, bán mái và công trình phụ trên đất.

Nguồn gốc của những tài sản trên như thế nào thì chị không nắm được. Chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này. Bố chị không để lại nghĩa vụ tài sản nào. Nay bà Hoàng Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố chị để lại thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị được hưởng phần di sản do bố chị để lại thì chị xin nhận và đề nghị được chia bằng đất. Do điều kiện công việc nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị N và chị Phạm Thị H thống nhất trình bày: Bà Hoàng Thị T là mẹ của các chị, nay bà T khởi kiện đối với anh Phạm Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà và ông T2, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn T2 để lại tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang cho các đồng thừa kế theo pháp luật và chia bằng hiện vật thì các chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đề nghị Tòa án chia di sản của ông Phạm Văn T2 cho các đồng thừa kế. Phần của các chị được hưởng thì các chị đồng ý nhận và tự nguyện tặng cho bà T. Các chị xin chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các chị không có công sức trông nom, quản lý di sản cũng như công sức đóng góp gì đối với các thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ, anh Q trình bày: Bà Hoàng Thị T là mẹ của anh. Bà T khởi kiện đối với anh Phạm Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà thuận và ông T2; chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn T2 để lại tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang cho các đồng thừa kế theo pháp luật và chia bằng hiện vật. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T. Phần của anh được hưởng thì anh đồng ý nhận và xin tặng cho bà T. Anh không có công sức trông nom, quản lý di sản cũng như công sức đóng góp gì đối với các thửa đất và tài sản gắn liền với đất như bà T yêu cầu.

* Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/01/2024 có kết quả:

- Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.229m² (trong đó có 360m² đất ở

và 869m² đất vườn). Theo đo đạc năm 2022 là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.170,5m² (gồm đất ONT và đất CLN), theo kết quả thẩm định thì diện tích của thửa đất là 1.170,4 m² tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: S 108616, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00296.QSĐĐ/56012000/QĐ-UB(H), ngày 23/10/2000.

Thửa đất có giá: (360 m² đất ở x 3.500.000 đ/m²) + (810,4 m² đất vườn x 500.000 đ/ m²) = 1.260.000.000 đ + 405.200.000 đ = 1.665.200.000 đ

- Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, diện tích 639.0m² (gồm 300.0m² đất ở; 339.0m² đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền trên đất. Thửa đất đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BP 146705, số vào sổ cấp giấy: CH00134, ngày 04/7/2013.

Thửa đất có giá: (300 m² đất ở x 5.000.000 đ/m²) + (339 m² đất vườn x 650.000 đ/m²) = 1.500.000.000 đ + 220.350.000 đ = 1.720.350.000 đ

Trên đất có 01 nhà 02 tầng có diện tích 131,8 m², tường xây gạch 220 trát tường xi măng, nền nhà lát gạch liên doanh, cầu thang lan can, con tiện gỗ, bậc xi măng cát, cửa sổ nhôm kính, palo gỗ kính, cửa đi palo gỗ kính có giá còn lại là 258.300.000 đồng.

01 bán mái xây tường 110 mai thép hộp lợp proximang có diện tích 29 m² có giá 6.000.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất: 1.720.350.000 đ + 258.300.000 đồng + 6.000.000 đồng = 1.984.650.000 đồng

Các tài sản khác và cây cối trên đất không yêu cầu định giá do không yêu cầu chia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DSST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chia cho bà Hoàng Thị T được quyền sử dụng:

+ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa số 147, tờ bản đồ số 2), diện tích 1.170,4 m² tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất được

UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 108616, số vào sổ cấp giấy: 00296.QSDĐ/56012000/QĐ-UB(H), ngày 23/10/2000.

+ Diện tích đất 429,4 m² (trong đó đất ở 201,4 m², đất vườn 228 m²) nằm trong tổng diện tích 639,0 m² là hình A1A2A7A8A9 tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm 01 nhà 02 tầng, 01 bán mái xây tường 110 lợp proximang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 146705, số vào sổ cấp giấy: CH00134, ngày 04/7/2013.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án)

2. Chia cho anh Phạm Văn D được quyền sử dụng diện tích đất 104,8 m² (trong đó đất ở 49,5 m², đất vườn 55,3 m²) nằm trong tổng diện tích 639,0 m² là hình A2A3A6A7 tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 146705, số vào sổ cấp giấy: CH00134, ngày 04/7/2013. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án)

3. Chia cho chị Phạm Thị T1 được quyền sử dụng diện tích đất 104,8 m² (trong đó đất ở 49,5 m², đất vườn 55,3 m²) nằm trong tổng diện tích 639,0 m² là hình A3A4A5A6 tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 146705, số vào sổ cấp giấy: CH00134, ngày 04/7/2013. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án)

4. Bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trích chia cho anh Phạm Văn D và chị Phạm Thị T1 mỗi người số tiền 21.579.000 đồng.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Hoàng Thị T phải chịu 4.108.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà T đã nộp đủ số tiền này.

6. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T.

- Chị Phạm Thị T1, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị N và chị Phạm Thị H mỗi người phải chịu 15.207.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của đương sự.

- Ngày 02/7/2024, nguyên đơn bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Chia di sản ông T2 để lại là một phần quyền sử dụng đất số 203, tờ bản đồ số 2 và thửa số 147, tờ bản đồ

số 7 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang cho các đồng thừa kế bằng hiện vật, không bù trừ sang thửa đất khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày: Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chia cho bà toàn bộ thửa đất số 203 vì bà đang ở trên diện tích đất này, chia cho anh D và chị T1 diện tích đất tại thửa số 147 ở phía trong. Trên phần đất chia cho anh D, chị T1 có một số tài sản, bà đã tạo dựng lên nhưng không còn giá trị gì nên bà không có yêu cầu gì với các tài sản này và không yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá lại. Nếu Tòa án không chia cho bà toàn bộ thửa đất số 203 thì bà đề nghị chia nhỏ từng thửa đất theo đúng từng phần mà chị T1 và anh D được hưởng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt nhất trí với kháng cáo và đề nghị của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Một số đương sự (anh D, chị T1) không chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T, giữ nguyên bản án dân sự số 47/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hoàng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai hoặc đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về sản chung của bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn T2:

Các đương sự đều có lời khai xác định bà T và ông T2 có các tài sản chung là:

- Quyền sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.229m² (trong đó có 360m² đất ở và 869m² đất vườn) tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Theo kết quả đo đạc năm 2022 là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.170,5m²; theo kết quả thẩm định thì diện tích của thửa đất là 1.170,4m²; trị giá 1.665.200.000đ

- Quyền sử dụng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, diện tích 639.0m² (gồm 300.0m² đất ở; 339.0m² đất trồng cây lâu năm), trị giá 1.720.350.000đ tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng có diện tích 131,8 m², tường xây gạch 220 trát tường xi măng, nền nhà lát gạch liên doanh, cầu thang lan can, con tiện gỗ, bậc xi măng cát, cửa sổ nhôm kính, palo gỗ kính, cửa đi palo gỗ kính có giá còn lại là 258.300.000 đồng. 01 bán mái xây tường 110 mai thép hộp lợp proximang có diện tích 29 m² có giá 6.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất 1.984.650.000 đồng. (Ngoài ra trên đất còn một số tài sản khác nhưng không còn giá trị nên bà T và các đương sự không có yêu cầu gì với các tài sản này, không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá).

Những tài sản chung được bà T và ông T2 gây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Trước khi ông T2 chết, bà T và ông T2 không có thỏa thuận gì về tài sản chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định tổng giá trị các tài sản trên là 3.649.850.000đ và chia cho bà T ½ tài sản, trị giá 1.824.925.000đ trong đó có 1.692.775.000đ giá trị quyền sử dụng đất và 132.150.000đ giá trị tài sản gắn liền với đất là phù hợp với quy định tại Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn T2:

Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Các đương sự đều có lời khai thừa nhận ông Phạm Văn T2 chết ngày 09/10/2017, không để lại di chúc, di sản thừa kế ông T2 để lại chưa được những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 phân chia. Ông T2 có vợ hợp pháp là bà Hoàng Thị T, các con đẻ của ông T2 gồm chị Phạm Thị T1 (là con của ông T2 với vợ trước là bà Dương Thị B), con của ông T2 với bà T là chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị N, anh Phạm Văn D và anh Phạm Văn Q. Ngoài ra, ông T2 không có người con nuôi nào khác, bố mẹ ông T2 đều chết trước ông T2. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 là bà T, chị T1, chị H, chị N, anh D, anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế của ông T2 là ½ khối tài sản chung của ông T2 và bà T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, phần di sản thừa kế của ông T2 trị giá 1.824.925.000đ trong đó có 1.692.775.000đ giá trị quyền sử dụng đất và

132.150.000đ giá trị tài sản gắn liền với đất. Di sản thừa kế của ông T2 được chia thành 06 kỷ phần bằng nhau cho bà T, chị T1, chị H, chị N, anh D, anh Q, giá trị mỗi kỷ phần được hưởng trị giá 304.154.167 đồng. Đối với kỷ phần của chị H, chị N, anh Q đều thống nhất tặng kỷ phần thừa kế anh, chị được hưởng cho bà T nên bà T được hưởng 04 kỷ phần thừa kế của ông T2 trị giá 1.216.616.668 đồng.

Hiện nay phần tài sản chung của bà T và ông T2 do bà T đang quản lý, sử dụng, bà T đang sinh sống trên thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2 trên đất có nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất.

Do vậy, tổng tài sản bà T được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung với ông T2 và 04 phần di sản thừa kế bà T được hưởng từ ông T2 là 1.824.925.000đ + 1.216.616.668 đồng = 3.041.541.668 đồng, anh D và chị T1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của ông T2 trị giá 304.154.167 đồng.

[5] Tại Quyết định của Bản án sơ thẩm:

- Chia cho bà Hoàng Thị T thửa đất số 373, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa số 147, tờ bản đồ số 2), diện tích 1.170,4 m² (trị giá 1.665.200.000 đồng) địa chỉ thửa đất: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 108616, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00296.QSDĐ/56012000/QĐ-UB(H), ngày 23/10/2000.

- Chia cho bà Hoàng Thị T diện tích đất 429,4 m² (trong đó đất ở 201,4 m², đất vườn 228m²) nằm trong tổng diện tích 639,0 m² tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm 01 nhà 02 tầng, 01 bán mái xây tường 110 lợp proximang (giá trị đất 1.155.200.000 đồng + tài sản gắn liền với đất giá 264.300.000 đồng = 1.419.500.000 đồng). Bà T phải trích chia cho anh D và chị T1 mỗi người 21.579.000đ.

- Chia cho anh D được sử dụng diện tích đất 104,8 m²(trong đó đất ở 49,5 m², đất vườn 55,3 m²)nằm trong tổng diện tích 639,0 m² tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2 (tương đương 282.575.000 đồng), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang và tài sản gắn liền trên đất. Anh D1 được hưởng số tiền 21.579.000 đồng do bà T trích chia.

- Chia cho chị T1 được sử dụng 104,8 m² (trong đó đất ở 49,5 m², đất vườn 55,3 m²) nằm trong tổng diện tích 639,0 m² tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 2 (tương đương 282.575.000 đồng), địa chỉ thửa đất: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chị T1 được hưởng số tiền 21.579.000đồng do bà T trích chia.

- Bà T có nghĩa vụ trích chia giá trị chênh lệch cho anh D1 và chị T1 mỗi người 21.579.000đồng.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án)

[6] Thửa đất số 147 có lối đi vào rộng 2,69m, hướng đông giáp bờ mương của thôn, 3 phía còn lại tiếp giáp các hộ dân khác. Trong khi đó, thửa đất số 203 có cạnh phía Tây với tổng chiều dài gần 30m, thuận lợi hơn cho việc phân chia thửa đất bằng hiện vật và tạo điều kiện cho tất cả các đương sự trong việc sử dụng đất. Mặt khác, bà T được quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 147 và 429,4 m² (trong đó đất ở 201,4 m², đất vườn 228m²) tại thửa đất số 203, không gặp vướng mắc, khó khăn gì trong việc sử dụng. Đối với một số công trình phụ trên thửa đất phân chia cho anh D1, chị T1, bà T xác định các công trình này không còn giá trị, không yêu cầu xem xét thẩm định, định giá và không yêu cầu chia. Do đó, việc phân chia bằng hiện vật như quyết định của bản án sơ thẩm là đúng kỹ phần thừa kế các đương sự được hưởng và phù hợp với quy định tại Điều 612, Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T, cần áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không được chấp nhận kháng cáo nhưng là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét các phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hoặc không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hoàng Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang